



TẠ ĐỨC DUY – NGUYỄN THỊ HOA – VƯƠNG TÔ THÙY LINH

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

MÔN

CÔNG NGHỆ

ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP

LỚP 9

(HỖ TRỢ GIÁO VIÊN THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY
THEO SÁCH GIÁO KHOA CÔNG NGHỆ 9 – BỘ SÁCH
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG SÁCH

GV	:	Giáo viên
HS	:	Học sinh
SGK	:	Sách giáo khoa
SGV	:	Sách giáo viên

LỜI NÓI ĐẦU

Quý thầy cô thân mến!

Kế hoạch bài dạy CÔNG NGHỆ 9 – ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP là tài liệu tham khảo giúp các thầy cô thuận tiện triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 – môn CÔNG NGHỆ 9 – ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP và sách giáo khoa, sách giáo viên CÔNG NGHỆ 9 – ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP hiệu quả, theo đúng công văn hướng dẫn 5512/BGDĐT – GDTrH.

Mỗi bài học đều xác định rõ mục tiêu, quá trình tổ chức hoạt động và sản phẩm cụ thể. Điều này đảm bảo cho thầy cô kiểm soát được quá trình dạy học một cách tường minh (Mục tiêu như thế nào và thông qua hoạt động chính nào để có được sản phẩm phù hợp).

Chúng tôi hi vọng tài liệu Kế hoạch bài dạy này sẽ hữu ích, giúp thầy cô triển khai tốt nội dung giáo dục CÔNG NGHỆ 9 – ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP theo đúng mục tiêu đặt ra trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 – môn CÔNG NGHỆ 9 – ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP.

Các tác giả

MỤC LỤC

Lời nói đầu	3
Bài 1. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ	5
Bài 2. Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân	15
Bài 3. Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam.....	24
Bài 4. Quy trình lựa chọn nghề nghiệp	32
Bài 5. Dự án: Đánh giá mức độ phù hợp với nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ	43

I. MỤC TIÊU**1. Kiến thức**

- Trình bày được khái niệm nghề nghiệp, tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người và xã hội, ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp của mỗi người.
- Kể tên và phân tích được đặc điểm, những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

2. Năng lực

- Phân tích được đặc điểm, yêu cầu của các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế để phân biệt được các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ; biết cách bổ sung thêm các thông tin liên quan đến ngành nghề này.
- Chủ động học tập, tìm hiểu các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của GV.
- Tham gia tích cực và có trách nhiệm trong quá trình thực hành.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính và máy chiếu có kết nối được mạng internet.
- Sưu tầm hình ảnh về một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Hoạt động 1. Mở đầu**

a) *Mục tiêu:* Huy động khả năng quan sát và sự hiểu biết của HS để tìm hiểu ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ. Thu hút HS chú ý tới chủ đề bài học.

b) *Tổ chức thực hiện*

- GV giao nhiệm vụ:

Nội dung: HS làm việc cá nhân quan sát Hình 1.1 SGK và cho biết: Mỗi người trong hình làm nghề gì? Em hãy mô tả công việc của những nghề đó.

– HS thực hiện nhiệm vụ: Quan sát Hình 1.1, suy nghĩ và trả lời.

Dự kiến câu trả lời của HS:

Sản phẩm: Hình 1.1 cho biết có 4 ngành nghề: Cảnh sát giao thông, GV, thợ sơn, nhà khoa học.

Mô tả công việc:

– Cảnh sát giao thông: Thực hiện mệnh lệnh, lên kế hoạch kiểm tra, rà soát các hành vi vi phạm, thực hiện, tổ chức các công tác ngăn chặn hành vi vi phạm an toàn giao thông và xử lý các hành vi vi phạm. Thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát, nhằm mục đích đảm bảo trật tự, an ninh đường bộ trên những tuyến đường được giao nhiệm vụ.

– GV: Giảng dạy, giáo dục cho HS, lên kế hoạch, tiến hành các tiết dạy học, thực hành và phát triển các khoá học nằm trong chương trình giảng dạy của nhà trường đồng thời cũng là người kiểm tra, ra đề, chấm điểm thi cho HS để đánh giá chất lượng từng người.

– Thợ sơn: Người chuyên đi làm các công việc để làm cho các công trình trở lên hoàn thiện và đẹp hơn thông qua quy trình làm việc và các công việc chuẩn bị cho quá trình sơn nhà ở, các công trình lớn, tùy thuộc vào từng loại công trình khác nhau mà môi trường làm việc của thợ sơn tương ứng vì thế mà cũng có sự thay đổi.

– Nhà khoa học: Nghiên cứu về hệ thống các tri thức, các hiện tượng tự nhiên, xã hội cùng các phương pháp khoa học,...

– GV tổ chức thảo luận: GV mời đại diện 2 – 3 HS trả lời, sau đó nhận xét.

– GV kết luận: Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ đã tác động đến mọi mặt của đời sống văn hoá, xã hội, kinh tế, thị trường lao động, nhất là lĩnh vực kĩ thuật. Thị trường lao động trong và ngoài nước có những thay đổi nhanh chóng, có những yêu cầu, đòi hỏi cao hơn về mức độ đáp ứng công việc từ đó nhu cầu tuyển dụng lao động có trình độ đại học có xu hướng biến động mạnh. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ rất đa dạng, với nhiều vị trí việc làm khác nhau, bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về một số ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ.

2. Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

2.1. Khái quát về nghề nghiệp

a) Mục tiêu

Trình bày được khái niệm nghề nghiệp, tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người và xã hội, ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp của mỗi người.

b) Tổ chức thực hiện

– GV giao nhiệm vụ sau:

Nội dung: Đọc SGK, thảo luận nhóm đôi và thực hiện lần lượt các nhiệm vụ sau trong Phiếu học tập:

– Nhiệm vụ 1: Dựa vào các thẻ dưới đây, em hãy mô tả nghề nghiệp của một người thân trong gia đình.

Tên nghề

Nhiệm vụ đang làm

Môi trường làm việc

Quá trình đào tạo

Thu nhập

– Nhiệm vụ 2: HS làm việc nhóm đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi sau:

(1) Nghề nghiệp là gì?

(2) Tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người và xã hội như thế nào?

(3) Theo em, lựa chọn đúng nghề nghiệp có ý nghĩa gì? Em hãy lấy ví dụ thực tế để minh họa.

– HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

Dự kiến sản phẩm của HS:

Sản phẩm

– Nhiệm vụ 1:

	Tên nghề	Nhiệm vụ đang làm	Môi trường làm việc	Quá trình đào tạo	Thu nhập
Bố	Kĩ sư xây dựng	Tư vấn và thiết kế các công trình như cầu, đập, bến cảng, đường bộ, sân bay, đường sắt, kênh, đường ống, hệ thống xử lí chất thải và kiểm soát lũ, công nghiệp.	Ngoài trời	Đại học	20 – 30 triệu/tháng

Mẹ	GV trung học phổ thông	Dạy học và giáo dục HS theo chương trình, kế hoạch giáo dục trung học phổ thông.	Trong nhà	Đại học	8 – 10 triệu/tháng
Anh	Kế toán	Tư vấn, lập kế hoạch, dự toán ngân sách, kiểm soát tài khoản, các chính sách.	Trong nhà	Đại học	15 – 18 triệu/tháng
...					

– Nhiệm vụ 2: (tham khảo nội dung mục I.1; I.2; I.3 trang 5, 6 SGK)

– GV tổ chức báo cáo, thảo luận: GV tổ chức trò chơi “Tôi cần” với luật chơi như sau: GV hô “Tôi cần, tôi cần” và HS sẽ đáp lại “Cần gì, cần gì”. GV hô “Tôi cần bạn ... mô tả nghề nghiệp của 01 người thân trong gia đình”. Cứ như vậy GV sẽ gọi 3 – 5 HS mô tả nghề nghiệp. GV tiếp tục làm tương tự với Nhiệm vụ 2.

– GV nhận xét, kết luận: hướng dẫn HS chốt kiến thức về khái niệm nghề nghiệp, tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người và xã hội, ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp của mỗi người, cho HS ghi chép nội dung vào vở ghi bài.

2.2. Đặc điểm, yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ

a) Mục tiêu

Kể được đặc điểm, yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

b) Tổ chức thực hiện

– GV giao nhiệm vụ như sau:

Nội dung: Em hãy quan sát Hình 1.2 SGK và cho biết đặc điểm nghề nghiệp và yêu cầu nghề nghiệp của những người trong hình theo bảng sau:

Nghề nghiệp	Sản phẩm lao động	Đối tượng lao động	Môi trường làm việc	Năng lực	Phẩm chất
Thợ cơ khí					
Kỹ sư tự động hoá					

– HS thực hiện nhiệm vụ: Quan sát hình, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

Dự kiến câu trả lời của HS:

<i>Sản phẩm</i>					
Nghề nghiệp	Sản phẩm lao động	Đối tượng lao động	Môi trường làm việc	Năng lực	Phẩm chất
Thợ cơ khí	Sản phẩm cơ khí.	Thiết kế, bảo trì thiết bị máy móc trong hệ thống cơ khí.	Môi trường làm việc tiềm ẩn nguy cơ tai nạn cao.	– Có khả năng sử dụng các phương tiện, thiết bị đúng cách và hiệu quả; có năng lực. – Đủ sức khoẻ để làm việc lâu dài. – Chống chỉ định y học với những người bị bệnh phổi, hen phế quản, nhiễm xạ cơ thể.	– Có tính kỉ luật, ý thức tuân thủ các quy định, quy tắc trong quy trình làm việc; đảm bảo trong an toàn lao động. – Cần cù, chăm chỉ, trung thực, chịu được áp lực công việc và nhiệm vụ được giao. – Có ý thức phấn đấu, rèn luyện, học tập phát triển nghề nghiệp, chuyên môn.
Kỹ sư tự động hoá	Thiết bị tự động hoá.	Thiết kế, sáng tạo ứng dụng, phần mềm phục vụ cho ngành công nghiệp.	– Môi trường làm việc năng động, hiện đại, luôn biến đổi và đầy thử thách. – Tiếp xúc nhiều với các thiết bị công nghệ hiện đại.	Có năng lực tự học, tự nghiên cứu, đổi mới sáng tạo; có khả năng học tập ngoại ngữ, tin học.	– Có tính kỉ luật, ý thức tuân thủ các quy định, quy tắc trong quy trình làm việc; đảm bảo trong an toàn lao động.

Ngề nghiệp	Sản phẩm lao động	Đối tượng lao động	Môi trường làm việc	Năng lực	Phẩm chất
					– Cần cù, chăm chỉ, trung thực, chịu được áp lực công việc và nhiệm vụ được giao. – Có ý thức phấn đấu, rèn luyện, học tập phát triển nghề nghiệp, chuyên môn.

– GV tổ chức báo cáo: GV chia lớp thành 4 nhóm, trong lớp có 2 nhóm cùng thực hiện chung một nội dung, đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp, HS nhóm khác (cùng nội dung) bổ sung thêm một số thông tin.

Nhóm 1, 3: Đặc điểm nghề nghiệp và yêu cầu nghề nghiệp của thợ cơ khí.

Nhóm 2, 4: Đặc điểm nghề nghiệp và yêu cầu nghề nghiệp của kĩ sư tự động hoá.

– GV kết luận: hướng dẫn HS chốt kiến thức về đặc điểm, yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ, cho HS ghi chép nội dung vào vở ghi bài.

3. Hoạt động 3. Luyện tập

a) Mục tiêu

Phân tích được đặc điểm, yêu cầu của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

b) Tổ chức thực hiện

– GV giao nhiệm vụ sau:

Nội dung: GV cho HS thực hiện nhóm 3, dựa vào kiến thức vừa học thực hiện nhiệm vụ 3 trong Phiếu học tập.

– HS thực hiện nhiệm vụ: thảo luận nhóm và hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra.

Dự kiến câu trả lời của HS:

Sản phẩm

Nghề nghiệp	Sản phẩm lao động	Đối tượng lao động	Môi trường làm việc	Năng lực	Phẩm chất
Lập trình viên	Các ứng dụng, phần mềm sử dụng cho các thiết bị điện tử.	Sáng tạo những ứng dụng, phần mềm.	– Môi trường làm việc năng động, nhiều cơ hội học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn. – Làm việc với nhiều máy móc, thiết bị hiện đại, luôn được tiếp cận với các thành tựu mới nhất của khoa học công nghệ.	– Hiểu biết và vận dụng thành thạo các ngôn ngữ lập trình, máy vi tính. – Luôn học hỏi, cập nhật kiến thức, kỹ năng. – Yêu thích khoa học máy tính và các thành tựu mới về công nghệ.	Khả năng làm việc độc lập với cường độ cao, chịu được thử thách và áp lực công việc.
Kỹ sư điện	Linh kiện, động cơ, thiết bị.	Xây dựng, bảo trì và sửa chữa hệ thống điện.	– Môi trường làm việc năng động, nhiều cơ hội học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn. – Làm việc với nhiều máy móc, thiết bị hiện đại, luôn được tiếp cận với các thành tựu mới nhất của khoa học công nghệ.	– Hiểu biết và vận dụng thành thạo nguyên lý cơ bản của ngành nghề. – Luôn học hỏi, cập nhật kiến thức, kỹ năng.	Khả năng làm việc độc lập với cường độ cao, chịu được thử thách và áp lực công việc.

Ngề nghiệp	Sản phẩm lao động	Đối tượng lao động	Môi trường làm việc	Năng lực	Phẩm chất
Kỹ sư điện tử	Hệ thống điện tử, thiết bị tự động hoá.	Xây dựng, bảo trì và sửa chữa hệ thống điện tử.	- Môi trường làm việc năng động, nhiều cơ hội học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn. - Làm việc với nhiều máy móc, thiết bị hiện đại, luôn được tiếp cận với các thành tựu mới nhất của khoa học công nghệ.	- Hiểu biết và vận dụng thành thạo quy trình kỹ thuật điện tử. - Luôn học hỏi, cập nhật kiến thức, kỹ năng.	Khả năng làm việc độc lập với cường độ cao, chịu được thử thách và áp lực công việc.

- GV tổ chức báo cáo, thảo luận: GV gọi 1 – 2 nhóm chia sẻ kết quả làm việc nhóm. Các nhóm khác lắng nghe, bổ sung thông tin (nếu có).
- GV kết luận: nội dung liên quan đến một số ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ.

4. Hoạt động 4. Vận dụng

a) Mục tiêu

Vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế để phân biệt được các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ; biết cách bổ sung thêm các thông tin liên quan đến ngành nghề này.

b) Tổ chức thực hiện

- GV giao nhiệm vụ cho HS:

Nội dung: Giao nhiệm vụ về nhà làm báo cáo: Lựa chọn 1 nghề nghiệp em quan tâm, tìm kiếm các thông tin liên quan, cụ thể: Tên nghề; mô tả công việc; yêu cầu trình độ; yêu cầu năng lực; vị trí việc làm; xu hướng phát triển.

- HS thực hiện nhiệm vụ: HS về nhà làm báo cáo, tiết sau nộp sản phẩm.
- Dự kiến sản phẩm của HS:

Sản phẩm: Sản phẩm trình bày dưới dạng Poster hoặc PowerPoint giới thiệu nghề, thời gian trình bày 5 phút.

– GV tổ chức triển lãm sản phẩm (kĩ thuật phòng tranh). GV và HS có thể đánh giá sản phẩm và báo cáo dựa trên các tiêu chí:

Tiêu chí		Điểm tối đa	Điểm đạt
Nội dung báo cáo	1. Đầy đủ các nội dung	3	
	2. Nội dung phong phú, cập nhật thông tin	2	
	3. Hình thức thể hiện đẹp, khoa học	2	
Trình bày báo cáo	4. Diễn đạt trôi chảy, phát âm rõ ràng	1	
	5. Tính logic, rõ ràng của nội dung trình bày.	1	
	6. Cách thức báo cáo phong phú, hấp dẫn.	1	
TỔNG		10	

IV. PHỤ LỤC

PHIẾU HỌC TẬP

Nhóm:

Thành viên:

.....

Nhiệm vụ 1: Dựa vào các thẻ dưới đây, em hãy mô tả nghề nghiệp của một người thân trong gia đình.

Tên nghề

Nhiệm vụ đang làm

Môi trường làm việc

Quá trình đào tạo

Thu nhập

Nhiệm vụ 2: HS làm việc nhóm đôi, đọc SGK và trả lời câu hỏi sau:

(1) Nghề nghiệp là gì?

.....

(2) Tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người và xã hội như thế nào?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

(3) Theo em, lựa chọn đúng nghề nghiệp có ý nghĩa gì? Em hãy lấy ví dụ thực tế để minh họa.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Nhiệm vụ 3: Em hãy lựa chọn 3 nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ mà em biết, phân tích để chỉ ra những đặc điểm và yêu cầu chung của chúng đối với người lao động theo bảng sau:

Nghề nghiệp	Sản phẩm lao động	Đối tượng lao động	Môi trường làm việc	Năng lực	Phẩm chất
Lập trình viên					
Kỹ sư điện					
Kỹ sư điện tử					

I. MỤC TIÊU**1. Kiến thức**

- Cơ cấu hệ thống giáo dục tại Việt Nam.
- Các thời điểm có sự phân luồng và cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kỹ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục.
- Sau khi kết thúc trung học cơ sở có những hướng đi nào liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ.

2. Năng lực

- Kể tên các cấp học trong cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân.
- Mô tả được khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam.
- Trình bày được khái niệm phân luồng trong giáo dục, thời điểm phân luồng giáo dục phổ thông: sau tốt nghiệp trung học cơ sở, sau tốt nghiệp trung học phổ thông.
- Nêu được cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kỹ thuật, công nghệ ở hai thời điểm phân luồng giáo dục phổ thông.
- Trình bày được được các trình độ trong nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ; các hướng đi liên quan đến lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở.
- Vận dụng những kiến thức đã học về cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân để lựa chọn hướng đi sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở.

3. Phẩm chất

Chăm chỉ trong học tập, có trách nhiệm với bản thân để lựa chọn hướng đi sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, từ đó có đánh giá bản thân phù hợp với nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ để có định hướng học tập phù hợp.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- SGK Công nghệ 9.
- Tranh phóng to Hình 2.2 SGK.
- Phiếu bài tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1. Mở đầu

a) Mục tiêu

Huy động khả năng quan sát, vốn hiểu biết, kinh nghiệm thực tế của HS về các cấp học trong hệ thống giáo dục quốc dân ở Việt Nam; tạo sự hứng thú, kích thích tính tò mò, tạo tâm thế cho HS vào bài học.

b) Tổ chức thực hiện

– GV giao nhiệm vụ:

Nội dung

HS quan sát Hình 2.1 SGK và trả lời câu hỏi: Để nhận được tấm bằng tốt nghiệp đại học, các sinh viên trong hình cần phải trải qua những cấp học nào?

– HS thực hiện nhiệm vụ: quan sát và trả lời câu hỏi.

GV quan sát, gợi ý câu trả lời.

Sản phẩm

Câu trả lời của HS:

Để có thể nhận được bằng đại học, các sinh viên cần phải trải qua các cấp học: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và đại học.

– GV tổ chức báo cáo, thảo luận: chọn 1 HS trả lời câu hỏi.

– GV kết luận: Theo luật giáo dục năm 2019, học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân. Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, đặc điểm cá nhân, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập. Để tìm hiểu cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân ở nước ta như thế nào thì chúng ta cùng vào bài hôm nay.

2. Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu về cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam

a) Mục tiêu

- Kể tên các cấp học trong cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân.
- Mô tả được khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HS đọc SGK và thực hiện nhiệm vụ mục khám phá 1.
- HS thực hiện nhiệm vụ: đọc sách và trả lời câu hỏi của GV.
- GV giao nhiệm vụ như sau:

Nội dung

HS làm việc theo nhóm đôi và thực hiện yêu cầu của GV: đọc SGK và quan sát Hình 2.2 SGK, sau đó lên bảng phân tích Hình 2.2.

- HS thực hiện nhiệm vụ: đọc SGK và thảo luận.
- GV tổ chức báo cáo, thảo luận: GV gọi 1 nhóm đại diện, yêu cầu HS báo cáo kết quả tìm hiểu, GV nhận xét kết quả của HS và chuẩn kiến thức.
- GV yêu cầu HS ghi vở với những nội dung sau và vẽ lại Hình 2.2 SGK vào vở ghi. GV quan sát, nhắc nhở HS ghi bài.

Nội dung

Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam bao gồm giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên, cụ thể như sau:

- Giáo dục mầm non.
- Giáo dục phổ thông.
- Giáo dục nghề nghiệp.
- Giáo dục đại học.
- Giáo dục thường xuyên dành cho người ở các lứa tuổi và trình độ, có thể học tập, phát triển năng lực chuyên môn, tự tạo việc làm hoặc chuyển đổi ngành, nghề phù hợp.

- GV yêu cầu HS làm phần luyện tập trong SGK trang 12.

2.2. Tìm hiểu về phân luồng trong hệ thống giáo dục quốc dân

a) Mục tiêu

Trình bày được khái niệm phân luồng trong giáo dục, hai thời điểm phân luồng giáo dục phổ thông: sau tốt nghiệp trung học cơ sở, sau tốt nghiệp trung học phổ thông.

b) Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi thực hiện nhiệm vụ mục khám phá 2.
- GV giao nhiệm vụ như sau:

Nội dung

HS được yêu cầu đọc SGK và thực hiện nhiệm vụ ghi vào vở các nội dung sau đây:

1. Phân luồng giáo dục.
2. Thời điểm phân luồng giáo dục.

- HS thực hiện nhiệm vụ: đọc sách và ghi vào vở. GV quan sát, nhắc nhở HS đọc sách và ghi kết quả bài làm vào vở.

Sản phẩm

Câu trả lời được HS ghi vào vở.

– *Phân luồng trong giáo dục* là biện pháp tổ chức hoạt động giáo dục trên cơ sở thực hiện hướng nghiệp trong giáo dục, tạo điều kiện để HS tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông tiếp tục học ở cấp học, trình độ cao hơn hoặc theo học giáo dục nghề nghiệp hoặc tham gia lao động phù hợp với năng lực, điều kiện cụ thể của cá nhân và nhu cầu xã hội, góp phần điều tiết cơ cấu ngành nghề của lực lượng lao động phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước.

– *Giáo dục phổ thông có hai thời điểm phân luồng*: (1) Sau tốt nghiệp trung học cơ sở; (2) Sau tốt nghiệp trung học phổ thông.

+ Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, HS có 3 hướng đi để lựa chọn:

(1) Vào học tại các trường trung học phổ thông (công lập hoặc tư thục);

(2) Vào học các nghề nghiệp trình độ sơ cấp, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

(3) Vừa học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên, vừa tham gia lao động phù hợp với năng lực, điều kiện của bản thân.

+ Sau khi tốt nghiệp chương trình giáo dục trung học phổ thông, HS có thể tiếp tục học các nghề nghiệp trình độ cao đẳng tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, hoặc vào học trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục đại học.

– GV yêu cầu HS làm phần luyện tập (trang 14 SGK).

– GV yêu cầu HS đọc mục thông tin bổ sung (trang 14 SGK) để hiểu rõ thêm về mô hình 9⁺.

2.3. Tìm hiểu về cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục

a) Mục tiêu

Nêu được cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ ở hai thời điểm phân luồng giáo dục phổ thông.

b) Tổ chức thực hiện

– GV giao nhiệm vụ như sau:

Nội dung

HS được yêu cầu đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ mục khám phá 3 và ghi vào vở nội dung các cơ hội lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục.

– HS thực hiện nhiệm vụ: Đọc sách và ghi vào vở. GV quan sát, nhắc nhở HS đọc sách và ghi kết quả bài làm vào vở.

Sản phẩm

Câu trả lời được HS ghi vào vở.

Cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ của HS có thể thực hiện ở cả hai thời điểm phân luồng.

+ Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, HS có thể lựa chọn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đào tạo các nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ trình độ sơ cấp và trung cấp. HS cũng có thể lựa chọn vào học tại các cơ sở giáo dục thường xuyên để vừa học chương trình giáo dục trung học phổ thông, vừa học các nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ trình độ sơ cấp.

+ Đối với HS tốt nghiệp trung học phổ thông, các em có thể lựa chọn học các nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, chương trình đào tạo nghề nghiệp khác đáp ứng nhu cầu nhân lực trực tiếp trong sản xuất và dịch vụ, trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục đại học.

2.4. Tìm hiểu về những hướng đi liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau tốt nghiệp trung học cơ sở

a) Mục tiêu

Trình bày được được các trình độ trong nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ và các hướng đi liên quan đến lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở.

b) Tổ chức thực hiện

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi, đọc SGK và thực hiện nhiệm vụ mục khám phá 4.
- GV giao nhiệm vụ như sau:

Nội dung

HS được yêu cầu đọc SGK và thực hiện nhiệm vụ ghi vào vở các nội dung sau đây:

1. Các trình độ trong nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
2. Các hướng đi liên quan đến lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở.

- HS thực hiện nhiệm vụ: Đọc sách và ghi vào vở. GV quan sát, nhắc nhở HS đọc sách và ghi kết quả bài làm vào vở.

Sản phẩm

Câu trả lời được HS ghi vào vở.

1. Các trình độ trong nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ được đào tạo với nhiều trình độ như sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ, và tiến sĩ. Một số ngành đào tạo thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ có đào tạo từ trình độ trung cấp đến tiến sĩ.

2. Sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, HS có thể lựa chọn theo ba hướng đi liên quan đến lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ sau:

(1) Theo học các ngành thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ các trình độ sơ cấp, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đào tạo.

(2) Theo học tại các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên để vừa học chương trình trung học phổ thông kết hợp với học một nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

(3) Tiếp tục học trung học phổ thông và định hướng lựa chọn các môn học liên quan đến lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

Nếu lựa chọn hướng đi học trung học phổ thông, sau khi tốt nghiệp cấp học này, HS có thể lựa chọn các trường cao đẳng hoặc đại học có đào tạo các ngành nghề trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ để theo học các trình độ đào tạo cao đẳng hoặc đại học. Sau khi tốt nghiệp các trình độ này, người học có thể tham gia lao động với các nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

– GV gọi bất kỳ 1 HS đọc mục kết nối nghề nghiệp (trang 16 SGK).

– GV yêu cầu HS đọc mục thông tin bổ sung (trang 16 SGK) về khung trình độ quốc gia Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ ban hành.

3. Hoạt động 3. Luyện tập

a) *Mục tiêu:* HS vận dụng kiến thức đã học về cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân để luyện tập và làm phiếu bài tập.

b) *Tổ chức thực hiện*

– GV giao nhiệm vụ như sau:

Nội dung: HS được chia làm nhóm đôi hoàn thành các câu hỏi trong Phiếu bài tập.

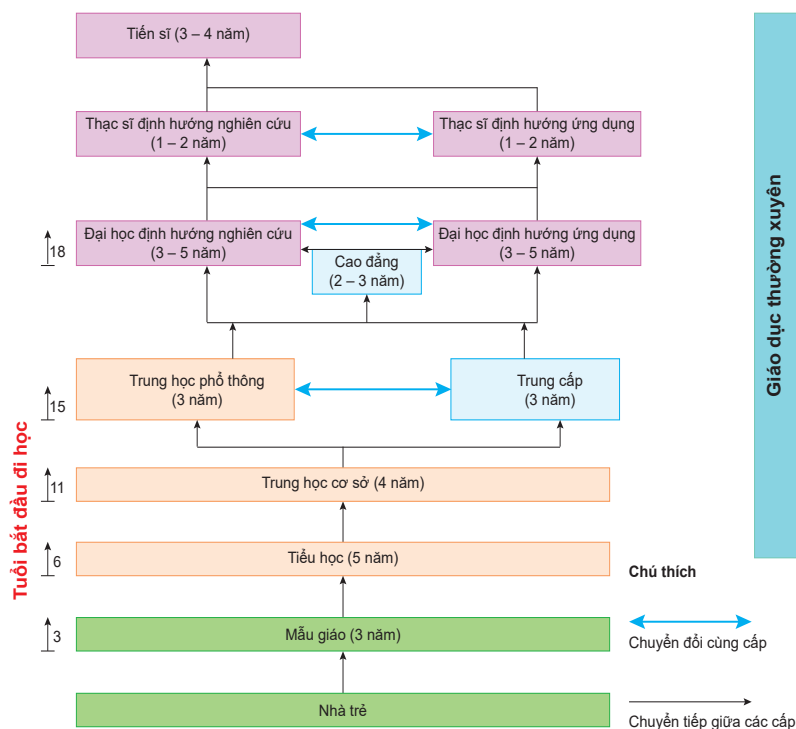
– HS thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận nhóm đôi với nhau và hoàn thành phiếu bài tập.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS trong Phiếu bài tập.

PHIẾU BÀI TẬP

BÀI 2. CƠ CẤU HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN

Câu 1. Điền dấu mũi tên để hoàn thành sơ đồ dưới đây.



Câu 2. Điền vào chỗ trống để hoàn thành câu dưới đây.

Phân luồng trong giáo dục là biện pháp tổ chức hoạt động giáo dục trên cơ sở thực hiện hướng nghiệp trong giáo dục, tạo điều kiện để HS tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông tiếp tục học ở cấp học, trình độ cao hơn hoặc theo học giáo dục nghề nghiệp hoặc tham gia lao động phù hợp với năng lực, điều kiện cụ thể của cá nhân và nhu cầu xã hội, góp phần điều tiết cơ cấu ngành nghề của lực lượng lao động phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước.

Câu 3. Nêu ba hướng đi liên quan đến lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở.

- (1) Theo học các ngành thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ các trình độ sơ cấp, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đào tạo.
- (2) Theo học tại các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên để vừa học chương trình trung học phổ thông kết hợp với học một nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.
- (3) Tiếp tục học trung học phổ thông và định hướng lựa chọn các môn học liên quan đến lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

- GV tổ chức báo cáo, thảo luận: GV gọi bất kì 1 nhóm lên báo cáo kết quả, các nhóm còn lại lắng nghe và nhận xét kết quả. GV chữa phiếu bài tập và chuẩn kiến thức.

4. Hoạt động 4. Vận dụng

a) Mục tiêu

Vận dụng những kiến thức đã học về cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân để lựa chọn hướng đi sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở.

b) Tổ chức thực hiện

- GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS và yêu cầu HS nghiêm túc thực hiện.

Nội dung

Thực hiện nhiệm vụ mục vận dụng (trang 16 SGK).

- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

- GV chọn một số HS nộp bài làm vào thời điểm thích hợp ở buổi học sau; nhận xét (và có thể cho điểm đánh giá quá trình).

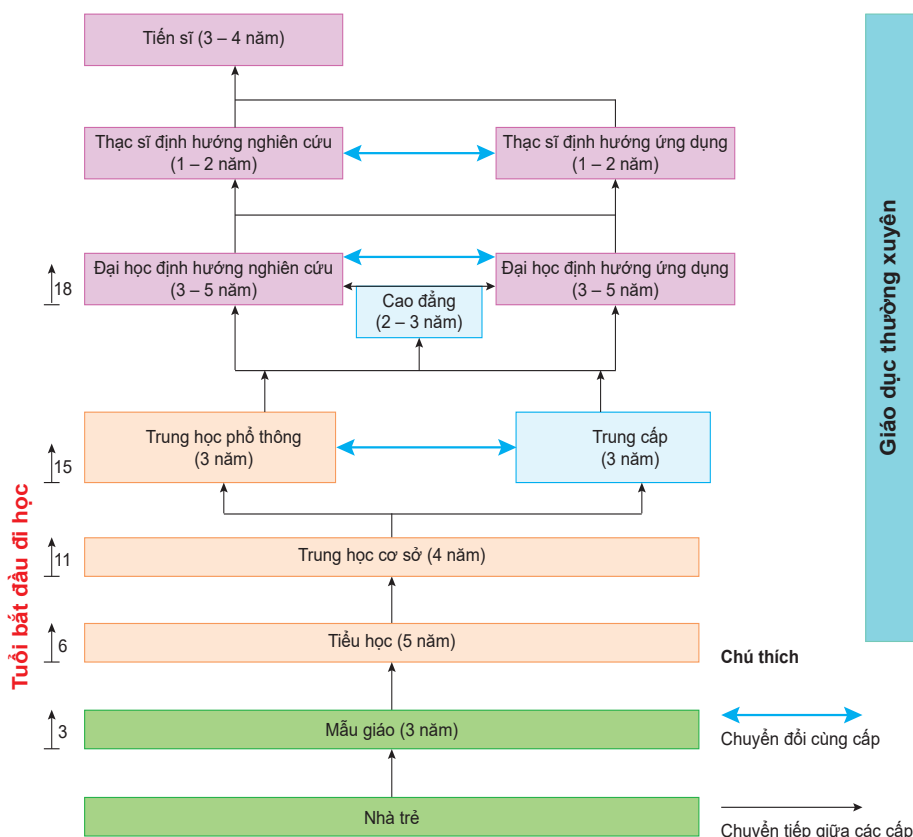
- GV tổng hợp từ một số bài nộp của HS và nhận xét, đánh giá chung để các HS khác tự xem lại bài làm của mình.

PHỤ LỤC

PHIẾU BÀI TẬP

BÀI 2. CƠ CẤU HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN

Câu 1. Điền dấu mũi tên để hoàn thành sơ đồ dưới đây.



Câu 2. Điền vào chỗ trống để hoàn thành câu dưới đây.

Phân luồng trong giáo dục là biện pháp tổ chức hoạt động giáo dục trên, tạo điều kiện để HS tốt nghiệp tiếp tục học ở cấp học, trình độ cao hơn hoặc theo học hoặc phù hợp với năng lực, điều kiện cụ thể của, góp phần điều tiết cơ cấu ngành nghề của với yêu cầu phát triển của đất nước.

Câu 3. Nêu ba hướng đi liên quan đến lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở.

- (1).....
- (2).....
- (3).....

THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ TẠI VIỆT NAM

(Thời gian thực hiện: 4 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Khái niệm về thị trường lao động.
- Các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động.
- Vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.
- Những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam hiện nay.
- Tìm kiếm thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ.

2. Năng lực

- Trình bày được khái niệm về thị trường lao động, các yếu tố ảnh hưởng tới thị trường lao động, vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.
- Mô tả được những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam hiện nay.
- Tìm kiếm được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của GV.
- Trách nhiệm: Tham gia tích cực và có trách nhiệm trong quá trình học.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

SGK, các bài báo chứa thông tin liên quan.

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

1. Hoạt động 1. Mở đầu

a) Mục tiêu

Huy động được những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm thực tế của bản thân HS về các nội dung liên quan đến các dụng cụ đo điện cơ bản. Kích thích tính tò mò, sự hứng thú, tạo tâm thế của HS ngay từ đầu tiết học.

b) Tổ chức thực hiện

- GV đặt câu hỏi:

Nội dung

Để tìm hiểu về nhu cầu nghề nghiệp và xu hướng nghề nghiệp hiện nay, các em hãy quan sát Hình 3.1 SGK và cho biết: Nhu cầu tuyển dụng của các ngành nghề có giống nhau không? Người lao động có thể tìm thông tin này ở đâu để có cơ sở lựa chọn ngành nghề phù hợp với nhu cầu xã hội?

- HS thực hiện nhiệm vụ: Quan sát hình và thảo luận cặp đôi để đưa ra các kết quả. Dự kiến câu trả lời của HS:

Sản phẩm

Các ngành nghề đều có nhu cầu tuyển dụng khác nhau, trong đó 5 nhóm ngành có nhu cầu tuyển dụng cao nhất của Quý 1 năm 2023 là:

- Thông tin và truyền thông chiếm 15,11%.
- Công nghệ chế biến, chế tạo chiếm 13,23%.
- Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm chiếm 13,04%.
- Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác chiếm 11,01%.
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ chiếm 9,03%.

- GV tổ chức báo cáo thảo luận: Mời đại diện 2 – 3 HS trả lời, sau đó nhận xét.
- GV định hướng và gợi ý cho HS liên hệ với kiến thức đã được học ở bài cũ để chỉ ra rằng tại sao nhóm ngành hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ lại nằm trong top 5 nhóm ngành có nhu cầu tuyển dụng cao nhất.
- GV dẫn dắt vào bài: Để có thể tìm hiểu rõ ràng hơn về các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến khả năng tìm việc tại Việt Nam chúng ta sẽ cùng nhau giải đáp ở trong bài hôm nay.

* Ngoài ra GV có thể tổ chức hoạt động khởi động như sau:

- GV cho HS xem video xu hướng thị trường lao động của Việt Nam và đặt câu hỏi dẫn dắt vào bài:

Link video: <https://www.youtube.com/watch?v=JwgCkjdVSYU>

2. Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

2.1. Khái niệm về thị trường lao động

a) Mục tiêu

Trình bày được khái niệm về thị trường lao động.

b) Tổ chức thực hiện

- GV giao nhiệm vụ như sau:

Nội dung

Đọc SGK, thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi khám phá trong SGK:

- Hãy kể tên một số loại hàng hoá, dịch vụ mà em biết. Nơi diễn ra hoạt động mua, bán hàng hoá hoặc dịch vụ gọi là gì?
- Từ câu hỏi trên em hãy nêu khái niệm của thị trường lao động.

– HS thực hiện nhiệm vụ: đọc SGK và trả lời câu hỏi. Dự kiến câu trả lời của HS:

Sản phẩm

Một số loại hàng hoá:

- Sắt thép.
- Thực phẩm.
- Dầu mỏ.
- Văn phòng phẩm.

Một số loại dịch vụ:

- Dịch vụ tư vấn tâm lý.
- Dịch vụ giới thiệu việc làm.
- Dịch vụ ăn uống.
- Dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

Nơi diễn ra hoạt động mua, bán hàng hoá hoặc dịch vụ gọi là thị trường tiêu dùng.

- GV tổ chức báo cáo thảo luận: GV gọi 1 – 2 bạn trả lời câu hỏi và nêu khái niệm.
- GV nhận xét, kết luận, củng cố kiến thức:

Thị trường lao động là thị trường trao đổi hàng hoá sức lao động giữa người sử dụng lao động và người lao động trên cơ sở thoả thuận với nhau về tiền lương, các điều kiện làm việc,... Trong đó, người lao động là bên bán, người sử dụng lao động là bên mua, hàng hoá sức lao động là toàn bộ thể lực và trí lực của con người được vận dụng trong quá trình lao động.

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động

a) Mục tiêu

Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng tới thị trường lao động.

b) Tổ chức thực hiện

- GV chia lớp thành 4 nhóm tương ứng với mỗi yếu tố tác động tới thị trường lao động và yêu cầu các nhóm tìm hiểu và phân tích sự tác động của yếu tố ảnh hưởng tới thị trường lao động.

- GV giao nhiệm vụ luyện tập như sau:

Nội dung

GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu mỗi nhóm thực hiện nhiệm vụ:

- Nhóm 1: Tìm hiểu tác động của **sự phát triển của khoa học, công nghệ**.
- Nhóm 2: Tìm hiểu tác động của **sự chuyển dịch cơ cấu**.
- Nhóm 3: Tìm hiểu tác động của **nhu cầu nghề nghiệp**.
- Nhóm 4: Tìm hiểu tác động của **nguồn cung lao động**.

- HS thực hiện nhiệm vụ: HS đọc SGK, thảo luận nhóm và thực hành nhiệm vụ GV đưa ra. Dự kiến câu trả lời của HS:

Sản phẩm

- **Sự phát triển của khoa học, công nghệ:** Sự phát triển nhanh chóng của khoa học, công nghệ đã tác động đến các ngành nghề trong nền kinh tế cũng như các nhóm người lao động. Những tiến bộ về công nghệ hỗ trợ sự chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế, nhiều công việc thay đổi theo hướng giảm bớt cầu lao động. Đồng thời, nó cũng tác động làm cho thị trường lao động có những thay đổi lớn theo hướng yêu cầu ngày càng cao đối với người lao động về năng lực, trình độ chuyên môn và các kỹ năng thiết yếu như giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo.
- **Sự chuyển dịch cơ cấu:** Sự chuyển dịch cơ cấu giữa các ngành kinh tế, các thành phần kinh tế và các vùng lãnh thổ làm thay đổi nhu cầu lao động giữa các ngành, nghề và kéo theo sự chuyển dịch cơ cấu lao động tương ứng.
- **Nhu cầu lao động:** Sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, của từng địa phương và nhu cầu sản xuất, tiêu dùng hàng hoá tác động khiến cho số lượng các ngành, nghề và nhu cầu thu hút nguồn nhân lực của người sử dụng lao động khác nhau. Điều này được thể hiện ở số việc làm và khả năng tạo việc làm trong một thời kỳ nhất định.
- **Nguồn cung lao động:** Số lượng lao động, thời gian tham gia lao động, chất lượng và cơ cấu nguồn lực con người tham gia vào thị trường lao động luôn thay đổi theo thời gian và theo không gian giữa các vùng, ngành là yếu tố làm thay đổi thị trường lao động.

- GV tổ chức báo cáo, thảo luận: gọi các nhóm trao đổi chia sẻ kết quả thảo luận nhóm.
- GV nhận xét, kết luận.

2.3. Vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ

a) Mục tiêu

Trình bày được khái niệm về vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

b) Tổ chức thực hiện

– GV giao nhiệm vụ như sau:

Nội dung: Đọc SGK, thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi khám phá trong SGK: Em hãy đọc một số nội dung trong bảng tin thị trường lao động (Hình 3.2 SGK) và chỉ ra một số thông tin thị trường lao động cung cấp.

– HS thực hiện nhiệm vụ: đọc SGK, thảo luận nhóm và thực hành nhiệm vụ GV đưa ra. Dự kiến câu trả lời của HS:

Sản phẩm

– Ở mục xu hướng tuyển dụng đang cho thấy nhu cầu tuyển dụng của các công ty thường là trình độ đại học và trình độ cao đẳng, ngoài ra công ty đang tìm ở vị trí nhân viên và vị trí quản lí bậc trung, với vị trí như vậy thì mức lương như thế nào.

– Ở mục đặc điểm của người đi tìm việc thì cho thấy thông tin là trình độ đại học là chủ yếu và thiếu số chỉ có trình độ trung cấp. Trong khi đó người đi tìm việc có nhu cầu tìm việc ở vị trí nhân viên và vị trí quản lí bậc trung với mức lương mong muốn từ khoảng 5 – 15 triệu đồng/ tháng. Với tuổi của nhân viên trung bình từ 20 – 39 tuổi.

– Ở mục các nhóm ngành có nhu cầu tuyển dụng nhiều nhất là công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 14,78% rồi giảm dần cho đến các hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ chiếm 10,11%.

– Ở mục một số nhóm nghề có nhu cầu tuyển dụng nhiều nhất liệt kê ra các ngành nghề đang là xu hướng và cần nhân lực nhất tính tới thời điểm quý I năm 2022.

– GV tổ chức báo cáo, thảo luận: gọi các nhóm trao đổi chia sẻ kết quả thảo luận nhóm.

– GV nhận xét, kết luận.

2.4. Những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam hiện nay

a) Mục tiêu

Mô tả được những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam hiện nay.

b) Tổ chức thực hiện

– GV giao nhiệm vụ như sau:

Nội dung

Đọc SGK, thảo luận nhóm theo tổ để cùng nhau phân tích các vấn đề mà thị trường Việt Nam gặp phải hiện nay:

- Chất lượng lao động còn thấp, phân bố nguồn lao động không đồng đều.
- Xu hướng cung lao động lớn hơn cầu lao động.
- Xu hướng tuyển dụng người lao động được đào tạo, có kinh nghiệm.

– HS thực hiện nhiệm vụ: đọc SGK, thảo luận nhóm và thực hành nhiệm vụ GV đưa ra. Dự kiến câu trả lời của HS:

Sản phẩm

– Chất lượng lao động còn thấp, phân bố nguồn lao động không đồng đều: Lực lượng lao động ở thành thị trong những năm qua có xu hướng ngày càng tăng nhưng vẫn tập trung chủ yếu ở khu vực nông thôn. Chất lượng lao động, trình độ chuyên môn kỹ thuật của lực lượng lao động vẫn còn rất thấp và chậm cải thiện, khan hiếm lao động trình độ cao.

– Xu hướng cung lao động lớn hơn cầu lao động: Cung lao động ngày càng đáp ứng cầu lao động nhưng thị trường lao động nước ta vẫn tồn tại sự mất cân đối cung – cầu lao động trong phạm vi cả nước nói chung cũng như giữa các vùng, khu vực và ngành nghề. Sự mất cân đối này thể hiện ở số lượng cung lao động lớn hơn cầu lao động. Cung lao động tăng nhanh nhưng không đáp ứng được cầu lao động do chất lượng lao động thấp.

– Xu hướng tuyển dụng người lao động được đào tạo, có kinh nghiệm: Sự chuyển dịch của cơ cấu lao động theo hướng giảm tỉ trọng lao động khu vực nông nghiệp cùng với sự phát triển mạnh mẽ của kỹ thuật, công nghệ đặt ra những yêu cầu ngày càng cao đối với người lao động. Người lao động phải có trình độ chuyên môn cao, sử dụng thành thạo ngoại ngữ và công nghệ thông tin, đồng thời họ phải có khả năng tự học để đáp ứng sự thay đổi liên tục của các ngành nghề.

- GV tổ chức báo cáo, thảo luận: gọi các nhóm trao đổi chia sẻ kết quả thảo luận nhóm.
- GV nhận xét, kết luận.

2.5. Tìm kiếm thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ

a) Mục tiêu

Tìm kiếm được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ.

b) Tổ chức thực hiện

- GV giao nhiệm vụ như sau:

Nội dung

Đọc SGK và trả lời câu hỏi khám phá (trang 21 SGK) để từ đó các em xác định được nội dung các bước tìm thông tin về thị trường lao động tại Việt Nam.

– HS thực hiện nhiệm vụ: đọc SGK và thực hiện nhiệm vụ GV đưa ra. Dự kiến câu trả lời của HS:

Sản phẩm

– Thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ có thể tìm được qua các trang website, báo trí, các kênh thông tin chính thức của các đơn vị uy tín như tổ chức lao động quốc tế cũng như các trung tâm thị trường lao động ở các đơn vị thành phố (tỉnh).

– 4 bước để tìm thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ.

+ Bước 1: Xác định mục tiêu tìm kiếm

+ Bước 2: Xác định nguồn thông tin

+ Bước 3: Xác định công cụ tìm kiếm

+ Bước 4: Tiến hành tìm kiếm

– GV tổ chức báo cáo, thảo luận: gọi 1 bạn trả lời câu hỏi và đọc thông tin.

– GV nhận xét, kết luận: yêu cầu HS đọcmục kết nối nghề nghiệp.

3. Hoạt động 3. Luyện tập

a) Mục tiêu

Tìm kiếm thông tin về thị trường lao động của một ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ.

b) Tổ chức thực hiện

– GV giao nhiệm vụ:

Nội dung

GV yêu cầu HS lựa chọn một ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ và tìm kiếm thông tin thị trường lao động của ngành nghề đó. Báo cáo kết quả tìm kiếm được.

– HS thực hiện nhiệm vụ: làm việc cá nhân để đưa ra phương án trả lời. Trong quá trình HS tìm hiểu thông tin, GV cần quan sát và hướng dẫn HS tìm kiếm thông tin một cách hợp lí. Dự kiến sản phẩm của HS:

Sản phẩm: HS thực hiện tìm hiểu và trả lời theo kết quả tìm được.

- GV tổ chức báo cáo thảo luận: HS báo cáo kết quả và GV cùng các bạn khác đánh giá kết quả tìm kiếm.

4. Hoạt động 4. Vận dụng (Ở nhà)

a) Mục tiêu

Vận dụng được kiến thức đã học để tìm hiểu nhóm ngành nghề kĩ thuật, công nghệ nào có xu hướng phát triển trong thị trường lao động ở địa phương.

b) Tổ chức thực hiện

- GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS như mục Mục tiêu và yêu cầu HS nghiêm túc thực hiện.

Nội dung

Nhiệm vụ về nhà:

Hãy tìm hiểu nhóm ngành nghề kĩ thuật, công nghệ nào có xu hướng phát triển trong thị trường lao động ở địa phương em?

- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

- GV chọn một số HS trả lời vào thời điểm thích hợp ở buổi học sau; nhận xét (và có thể cho điểm đánh giá quá trình).

I. MỤC TIÊU**1. Kiến thức**

- Một số lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp.
- Các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp.
- Các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ.

2. Năng lực

- Kể tên được một số lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp.
- Tóm tắt được một số lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp.
- Kể tên được các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp.
- Giải thích được các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp.
- Nhận ra và giải thích được các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ.
- Vận dụng những kiến thức đã học về quy trình lựa chọn nghề nghiệp để có hướng lựa chọn phù hợp với bản thân.

3. Phẩm chất

Chăm chỉ trong học tập, có trách nhiệm với bản thân để có hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với bản thân, từ đó có hướng học tập tốt đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp mình chọn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK Công nghệ 9.
- Tranh phóng to Hình 4.3.
- Phiếu bài tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. Hoạt động 1. Mở đầu***a) Mục tiêu*

Huy động khả năng quan sát, vốn hiểu biết, kinh nghiệm thực tế của HS về các yếu tố ảnh hưởng đến việc quyết định lựa chọn nghề nghiệp; tạo sự hứng thú, kích thích tính tò mò, tạo tâm thế cho HS vào bài học.

b) Tổ chức thực hiện

– GV giao nhiệm vụ:

Nội dung

HS quan sát Hình 4.1 SGK và trả lời câu hỏi: Ba yếu tố trong hình có ảnh hưởng như thế nào tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp?

– HS thực hiện nhiệm vụ: Quan sát và trả lời câu hỏi. GV quan sát, gợi ý câu trả lời.

Sản phẩm

Câu trả lời của HS:

3 yếu tố ảnh hưởng đến việc quyết định lựa chọn nghề nghiệp:

- Tôi thích (sở thích) : Giúp lựa chọn được nghề phù hợp với sở thích của bản thân.
- Tôi cần làm (nhu cầu xã hội): Giúp lựa chọn được nghề theo xu thế, nhu cầu xã hội.
- Tôi có thể (năng lực): Giúp lựa chọn được nghề phù hợp với năng lực của bản thân.

– GV tổ chức báo cáo, thảo luận: Chọn 1 HS trả lời câu hỏi.

* Ngoài ra GV có thể tổ chức như sau:

– GV giao nhiệm vụ:

Nội dung

GV yêu cầu HS suy nghĩ trả lời câu hỏi: Em ước mơ sau này mình làm nghề nghiệp gì? Tại sao em lại thích làm nghề đó? Em đã tìm hiểu nhu cầu xã hội về nghề đó chưa?

– HS thực hiện nhiệm vụ: Suy nghĩ và trả lời câu hỏi. GV quan sát, gợi ý câu hỏi.

Sản phẩm

Câu trả lời của HS:

Ví dụ: Em ước mơ sau này trở thành một kĩ sư điện. Vì em có sở thích với các thiết bị điện, hệ thống điện. Em đã tìm hiểu nhu cầu xã hội đang rất ưa chuộng nghề kĩ sư điện vì cuộc sống ngày càng hiện đại nên nhu cầu về các thiết bị điện, hệ thống thông minh,... rất được quan tâm.

– GV gọi một số HS đứng lên trả lời câu hỏi.

– GV kết luận: Làm được một nghề theo đúng sở thích, có mức lương cao là mong ước chính đáng của mỗi chúng ta. Vì vậy để có một lựa chọn nghề nghiệp phù hợp và đúng đắn cho tương lai, chúng ta cùng nhau tìm hiểu các lí thuyết cơ bản về chọn nghề nghiệp và quy trình lựa chọn nghề nghiệp trong bài hôm nay.

2. Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

2.1. Tìm hiểu về một số lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp

2.1.1. Lí thuyết mật mã Holland

a) Mục tiêu

Tóm tắt được lí thuyết mật mã Holland.

b) Tổ chức thực hiện

– GV giao nhiệm vụ 1 như sau:

Nội dung

HS được yêu cầu đọc SGK và thực hiện nhiệm vụ ghi vào vở các nội dung:

1. Các luận điểm của lí thuyết Holland.
2. Ý nghĩa của lí thuyết Holland trong việc lựa chọn nghề nghiệp.

– HS thực hiện nhiệm vụ: Đọc SGK và ghi vở. GV quan sát, giúp đỡ HS.

– GV tổ chức báo cáo, thảo luận: Yêu cầu HS báo cáo kết quả tìm hiểu, GV nhận xét kết quả tìm hiểu của HS và chuẩn kiến thức.

Sản phẩm

Câu trả lời của HS được ghi vào vở:

1. Các luận điểm của lí thuyết Holland

– Nếu một người chọn được nghề nghiệp phù hợp với tính cách của mình thì sẽ dễ thích ứng với các yêu cầu công việc và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, qua đó dễ đạt được thành công và hài lòng với nghề nghiệp.

– Hầu như ai cũng có thể được xếp vào một trong sáu kiểu tính cách. Có sáu môi trường nghề nghiệp tương ứng với sáu kiểu tính cách, đó là: nhóm kĩ thuật; nhóm nghiên cứu; nhóm nghệ thuật; nhóm xã hội; nhóm quản lí; nhóm nghiệp vụ. Tuy nhiên, trong thực tế, tính cách của nhiều người không nằm trọn trong một nhóm tính cách mà có thể là sự kết hợp của hai hay ba nhóm tính cách khác nhau.

2. Ý nghĩa của lí thuyết Holland

Việc tìm hiểu và nhận thức rõ về các đặc điểm tính cách của bản thân thuộc nhóm tính cách nào, rồi từ đó đối chiếu với môi trường làm việc tương ứng là cơ sở để định hướng chọn nghề nghiệp hay ngành học tương lai.

– GV giao nhiệm vụ 2:

Nội dung: HS được yêu cầu quan sát Hình 4.2 SGK và trả lời câu hỏi: Em cảm nhận mình thuộc nhóm tính cách nào?

- HS thực hiện nhiệm vụ: Đọc SGK và trả lời câu hỏi.

Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

2.1.2. Lí thuyết cây nghề nghiệp

a) *Mục tiêu:* Tóm tắt được lí thuyết cây nghề nghiệp.

b) *Tổ chức thực hiện*

- GV giao nhiệm vụ như sau:

Nội dung: HS được yêu cầu làm việc nhóm đôi và thực hiện nhiệm vụ đọc SGK và quan sát Hình 4.3 SGK. Sau đó GV gọi bất kì 1 nhóm lên bảng phân tích Hình 4.3 trong SGK.

- HS thực hiện nhiệm vụ: Đọc sách và thảo luận nhóm. GV quan sát giúp đỡ HS.

– GV tổ chức báo cáo, thảo luận: Yêu cầu HS báo cáo kết quả tìm hiểu, GV nhận xét kết quả tìm hiểu của HS và chuẩn kiến thức.

* Ngoài ra GV có thể tổ chức như sau:

- GV giao nhiệm vụ:

Nội dung: HS được yêu cầu đọc SGK, quan sát Hình 4.3 và xem video. Sau đó GV gọi 1–2 HS bất kì lên phân tích lại Hình 4.3 SGK.

Link video: <https://www.youtube.com/watch?v=toiIQ0wgXZY>

- GV yêu cầu HS ghi vở với những nội dung dưới đây và vẽ lại Hình 4.3 SGK vào vở ghi. GV quan sát, nhắc nhở HS ghi bài.

Nội dung

1. Lí thuyết cây nghề nghiệp: là một trong những lí thuyết cơ bản nhất dùng cho công tác hướng nghiệp cho HS. Lí thuyết cây nghề nghiệp chỉ ra mối quan hệ chặt chẽ giữa thành công trong nghề nghiệp với năng lực, cá tính, khả năng, giá trị nghề nghiệp của cá nhân.

Nội dung cơ bản

Khi lựa chọn nghề nghiệp, mỗi người đều phải dựa vào sở thích nghề nghiệp, khả năng (hay còn gọi là năng lực của bản thân, cá tính và giá trị nghề nghiệp của mình, tức là dựa vào “gốc rễ”. Bởi lẽ, chỉ khi nào nghề nghiệp ta chọn phù hợp với “gốc rễ” thì mới cho ra quả ngọt đó là cơ hội kiếm được việc làm phù hợp, dễ dàng được tuyển vào vị trí thích hợp, tìm được môi trường làm việc phù hợp, lương cao, được nhiều người tôn trọng.

- GV yêu cầu HS làm mục luyện tập trong SGK (trang 27).
- GV cho HS tìm hiểu thêm triết lí Ikigai của Nhật Bản để lựa chọn nghề nghiệp ở mục thông tin bổ sung.

2.2. Tìm hiểu các bước trong quy trình lựa chọn nghề

a) Mục tiêu

- Kể tên được các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp.
- Giải thích được các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp.

b) Tổ chức thực hiện

- GV giao nhiệm vụ như sau:

Nội dung: HS được yêu cầu đọc SGK và thực hiện nhiệm vụ mục khám phá (trang 28 SGK).

- HS thực hiện nhiệm vụ: Đọc sách và thực hiện mục khám phá 2. GV quan sát, nhắc nhở HS đọc sách.

Sản phẩm

Câu trả lời của HS:

Để chọn được nghề nghiệp cần tìm hiểu những thông tin:

1. Sở thích
2. Năng lực
3. Thị trường lao động

- GV tổ chức báo cáo, thảo luận: Yêu cầu HS báo cáo kết quả, GV nhận xét kết quả HS và chuẩn kiến thức.

- GV giao nhiệm vụ:

Nội dung

HS được yêu cầu đọc SGK và thực hiện nhiệm vụ ghi vào vở nội dung sau đây: Các bước trong quy trình lựa chọn nghề.

- HS thực hiện nhiệm vụ: Đọc sách và ghi vở. GV quan sát, nhắc nhở HS đọc sách và ghi vở.

Sản phẩm

Câu trả lời của HS được ghi vào vở:

Các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp:

Bước 1. Đánh giá bản thân

Để đánh giá bản thân, hãy bắt đầu từ sở thích, năng lực, tính cách, sức khỏe của mình, bối cảnh gia đình và những mong muốn về giá trị nghề nghiệp. Việc đánh giá bản thân có thể thực hiện thông qua các bài trắc nghiệm; tham khảo thêm ý kiến của thầy cô, người thân, bạn bè,...; hoặc tận dụng các cơ hội để trải nghiệm các công việc khác nhau, từ đó hiểu rõ hơn về năng lực, sở thích, tính cách của mình phù hợp nhất với lĩnh vực nghề nghiệp nào hiện có trong xã hội.

Bước 2. Tìm hiểu thị trường lao động

Lập danh sách những ngành nghề mình quan tâm. Thông qua internet, sách báo,... tìm hiểu nhu cầu xã hội đối với những ngành nghề đó. Đồng thời tìm hiểu sâu hơn về nghề với những thông tin cụ thể về vị trí việc làm, nhiệm vụ, các yêu cầu về phẩm chất, năng lực, môi trường làm việc, cơ hội phát triển, thu nhập,...

Bước 3. Ra quyết định

Từ kết quả có được ở bước 1 và bước 2, tiến hành so sánh, đối chiếu tìm ra sự phù hợp nhằm đưa ra quyết định cuối cùng lựa chọn lĩnh vực nghề nghiệp phù hợp nhất để theo đuổi, làm việc và cống hiến.

– GV yêu cầu HS làm mục luyện tập trong SGK trang 29.

2.3 Tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ

a) Mục tiêu

Nhận ra và giải thích được các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

b) Tổ chức thực hiện

– GV giao nhiệm vụ:

Nội dung

HS được yêu cầu đọc SGK và thực hiện nhiệm vụ ghi vào vở nội dung sau đây:

1. Yếu tố chủ quan.
2. Yếu tố khách quan.

– HS thực hiện nhiệm vụ: Đọc sách và ghi vào vở. GV quan sát, nhắc nhở HS đọc sách và ghi kết quả bài làm vào vở.

Sản phẩm

Câu trả lời được HS ghi vào vở:

1. Yếu tố chủ quan

- **Năng lực:** Năng lực của bản thân có ảnh hưởng tới khả năng hoàn thành nhiệm vụ của công việc.
- **Sở thích:** Đây là điều kiện quan trọng giúp chúng ta có thêm động lực để phát triển kỹ năng, vượt khó trên con đường chinh phục nghề nghiệp.
- **Cá tính:** Hay rộng hơn là tính cách của mỗi người có liên quan mật thiết với xu hướng nghề nghiệp.

2. Yếu tố khách quan

- Nhà trường
- Gia đình
- Xã hội
- Nhóm bạn

– GV tổ chức báo cáo, thảo luận: Yêu cầu HS báo cáo kết quả tìm hiểu, GV nhận xét kết quả tìm hiểu của HS và chuẩn kiến thức.

– GV yêu cầu HS làm mục luyện tập trong SGK trang 30.

3. Hoạt động 3. Luyện tập

a) Mục tiêu

HS vận dụng kiến thức đã học về quy trình lựa chọn nghề nghiệp luyện tập và làm phiếu bài tập.

b) Tổ chức thực hiện

– GV giao nhiệm vụ như sau:

Nội dung: HS được chia làm nhóm đôi hoàn thành các câu hỏi trong Phiếu bài tập.

– HS thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận nhóm đôi với nhau và hoàn thành Phiếu bài tập.

Sản phẩm

Câu trả lời của HS:

Câu 1. Chọn câu đúng mô tả về lý thuyết Holland.

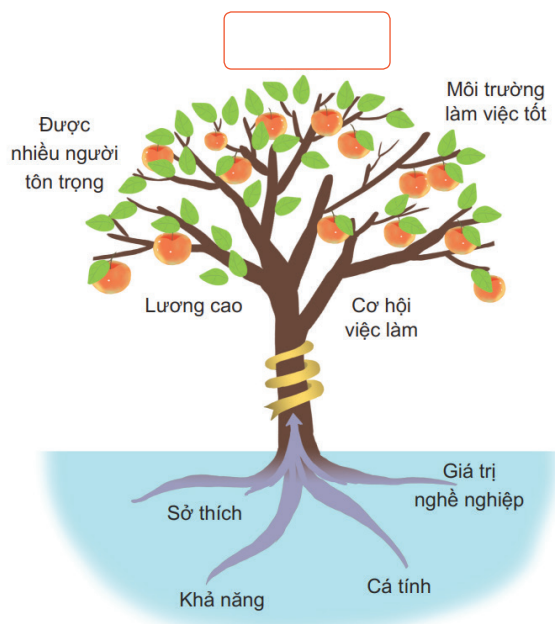
A. Việc tìm hiểu và nhận thức rõ về các đặc điểm tính cách của bản thân thuộc nhóm tính cách nào, rồi từ đó đối chiếu với môi trường làm việc tương ứng là cơ sở để định hướng chọn nghề nghiệp hay ngành học tương lai.

B. Việc tìm hiểu và nhận thức rõ về các đặc điểm bề ngoài như: màu tóc, trang phục rồi từ đó làm cơ sở để định hướng chọn nghề nghiệp hay ngành học tương lai.

C. Việc tìm hiểu và nhận thức rõ về các đặc điểm tính cách của bản thân thuộc nhóm tính cách nào, rồi từ đó đối chiếu với môi trường làm việc tương ứng là cơ sở để định hướng chọn trường học tương lai.

D. Việc tìm hiểu và nhận thức rõ về các yếu tố chủ quan và khách quan, rồi từ đó đối chiếu với môi trường làm việc tương ứng là cơ sở để định hướng chọn nghề nghiệp hay ngành học tương lai.

Câu 2. Điền vào ô trống dưới đây.



Câu 3. Chọn câu **không phải** là các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp.

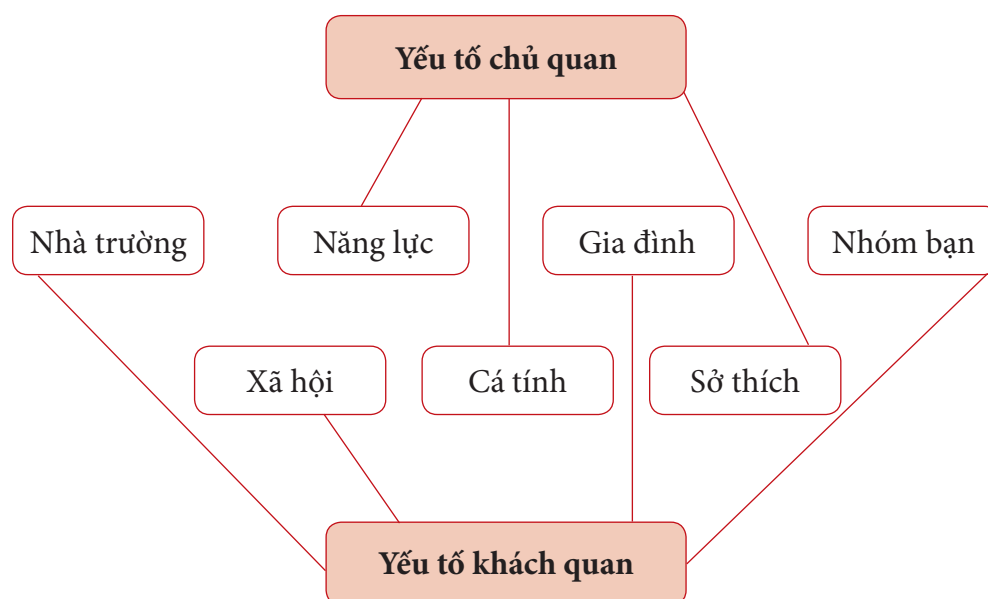
A. Tìm hiểu bản thân

B. Tìm hiểu thị trường lao động

C. Ra quyết định

D. Tìm hiểu trang phục phù hợp

Câu 4. Nối các cụm từ sau:



– GV tổ chức báo cáo, thảo luận: GV gọi một nhóm bất kì lên báo cáo kết quả, các nhóm còn lại lắng nghe và nhận xét kết quả. GV chữa phiếu bài tập và chuẩn kiến thức.

4. Hoạt động 4. Vận dụng

a) Mục tiêu

Vận dụng những kiến thức đã học về quy trình lựa chọn nghề nghiệp để có hướng lựa chọn phù hợp với bản thân.

b) Tổ chức thực hiện

– GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS và yêu cầu HS nghiêm túc thực hiện.

Nội dung

Thực hiện nhiệm vụ mục Vận dụng trong SGK trang 30.

– HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

Sản phẩm

Câu trả lời của HS.

– GV chọn một số HS nộp bài làm vào thời điểm thích hợp ở buổi học sau; nhận xét (và có thể cho điểm đánh giá quá trình).

– GV tổng hợp từ một số bài làm thu được của HS và nhận xét, đánh giá chung để các HS khác tự xem lại bài làm của mình.

PHỤ LỤC

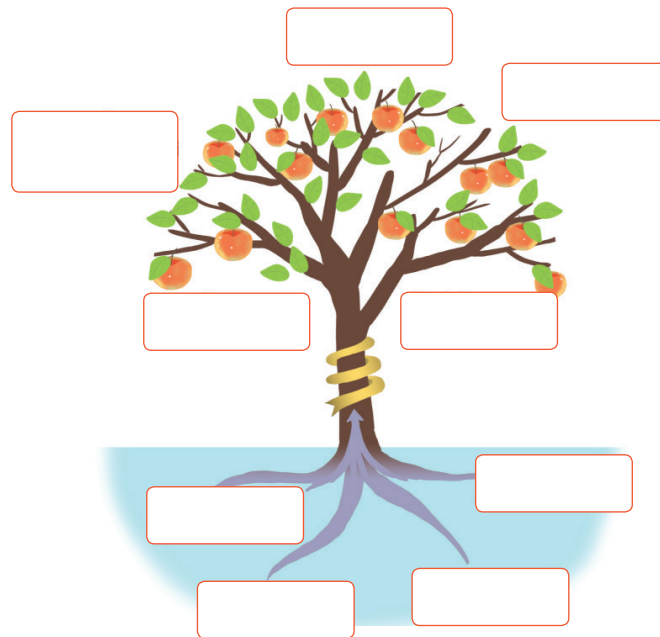
PHIẾU BÀI TẬP

BÀI 4. QUY TRÌNH LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP

Câu 1. Chọn câu đúng mô tả về lí thuyết Holland

- A. Việc tìm hiểu và nhận thức rõ về các đặc điểm tính cách của bản thân thuộc nhóm tính cách nào, rồi từ đó đối chiếu với môi trường làm việc tương ứng là cơ sở để định hướng chọn nghề nghiệp hay ngành học tương lai.
- B. Việc tìm hiểu và nhận thức rõ về các đặc điểm bề ngoài như : màu tóc, trang phục rồi từ đó làm cơ sở để định hướng chọn nghề nghiệp hay ngành học tương lai.
- C. Việc tìm hiểu và nhận thức rõ về các đặc điểm tính cách của bản thân thuộc nhóm tính cách nào, rồi từ đó đối chiếu với môi trường làm việc tương ứng là cơ sở để định hướng chọn trường học tương lai.
- D. Việc tìm hiểu và nhận thức rõ về các yếu tố chủ quan và khách quan, rồi từ đó đối chiếu với môi trường làm việc tương ứng là cơ sở để định hướng chọn nghề nghiệp hay ngành học tương lai.

Câu 2. Điền vào ô trống dưới đây.



Câu 3. Đâu **không phải** là các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp:

- A. Tìm hiểu bản thân
- B. Tìm hiểu thị trường lao động
- C. Ra quyết định
- D. Tìm hiểu trang phục phù hợp

Câu 4. Nối các cụm từ sau:

Yếu tố chủ quan

Nhà trường

Năng lực

Gia đình

Nhóm bạn

Xã hội

Cá tính

Sở thích

Yếu tố khách quan

BÀI 5

DỰ ÁN: TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ PHÙ HỢP CỦA BẢN THÂN VỚI MỘT SỐ NGÀNH NGHỀ THUỘC LĨNH VỰC KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ

(Thời gian thực hiện: 3 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Đặc điểm chung của nhóm nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ.
- Bảng đánh giá mức độ phù hợp nghề nghiệp của bản thân.

2. Năng lực

- Làm rõ được các đặc điểm về năng lực, sở thích, cá tính, bối cảnh gia đình.
- Làm rõ được những yêu cầu về năng lực chung, năng lực chuyên môn; tính chất nhiệm vụ công việc; điều kiện làm việc, mức thu nhập, cơ hội phát triển nghề nghiệp.
- Lập được bảng đánh giá mức độ phù hợp nghề nghiệp, đối chiếu sự trùng khớp giữa đặc điểm của bản thân với đặc điểm, yêu cầu nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và kết luận về mức độ phù hợp.
- Giúp HS hiểu rõ các tiêu chí đánh giá sản phẩm và hỗ trợ HS có thêm thông tin hoàn thiện dự án.
- Tổng kết được kiến thức của bài học, hiểu rõ hơn về bài dự án.
- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực tiễn đời sống.
- Tích cực giao tiếp và hợp tác nhóm để giải quyết các nhiệm vụ.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Chăm chỉ thực hiện các yêu cầu của GV.
- Trách nhiệm: Tham gia tích cực và có trách nhiệm trong quá trình học.

II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

- SGK, các bài báo chứa thông tin liên quan.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1. Mở đầu

a) Mục tiêu

Dựa vào kiến thức đã học ở những bài trước, khảo sát tính cách HS để xác định mức độ phù hợp của HS với ngành nghề.

b) Tổ chức thực hiện

– GV giao nhiệm vụ như sau:

Nội dung

Xem video và cho biết bản thân em được bao nhiêu điểm và nghĩ xem mình có phù hợp với ngành nghề như video đưa ra hay không?

Link video: Công Việc Nào Phù Hợp Nhất Với Bạn? | Kiểm Tra Tính Cách (youtube.com)

– HS thực hiện nhiệm vụ: xem video, suy nghĩ, đưa ra câu trả lời.

Dự kiến câu trả lời của HS:

Sản phẩm:

+ 150 – 260: doanh nhân.

+ 270 – 380: nhà khoa học hoặc nhà thám hiểm.

+ 390 – 490: nhà lãnh đạo.

+ 490+: nghệ sĩ.

(nguồn: video youtube)

– GV tổ chức báo cáo thảo luận: gọi 2 – 3 HS trả lời, sau đó nhận xét.

– GV dẫn dắt vào bài: Để có thể hiểu rõ hơn trong lĩnh vực công nghệ kĩ thuật các bạn sẽ phù hợp với nghề gì, hôm nay các em hãy lập kế hoạch và thực hiện tự đánh giá năng lực, sở thích, cá tính của bản thân, bối cảnh gia đình và đánh giá mức độ phù hợp với một số nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

2. Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

2.1. Đánh giá bản thân

a) Mục tiêu

Làm rõ được các đặc điểm về năng lực, sở thích, cá tính, bối cảnh gia đình.

b) Tổ chức thực hiện

– GV giao nhiệm vụ như sau:

Nội dung

– Em hãy kể về năng khiếu, sở thích và cá tính của bản thân em?

– Trong gia đình em đã có ai làm trong lĩnh vực công nghệ, kĩ thuật chưa?

– HS thực hiện nhiệm vụ: đọc SGK và trả lời câu hỏi.

Dự kiến câu trả lời của HS:

Sản phẩm

Tương ứng với tính cách và khả năng của mỗi bạn HS sẽ có câu trả lời khác nhau và có đủ các yếu tố sau đây:

- Năng lực: điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.
- Sở thích: sở thích của bản thân với ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghệ, kĩ thuật.
- Cá tính: dựa vào lí thuyết mật mã Holland để hiểu rõ bản thân thuộc nhóm tính cách nào trong 6 nhóm tính cách.
- Bối cảnh gia đình: trong nhà có điều kiện và bối cảnh phù hợp để hỗ trợ bản thân theo học và phát triển nghề nghiệp thuộc lĩnh vực công nghệ, kĩ thuật hay không?

– GV tổ chức báo cáo thảo luận: GV gọi 1 – 2 HS trả lời câu hỏi và nhận xét thông qua các trải nghiệm từ học tập, vui chơi và lao động để hiểu được khả năng bản thân.

2.2. Tìm hiểu những đặc điểm chung của nhóm nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ

a) Mục tiêu

Làm rõ được những yêu cầu về năng lực chung, năng lực chuyên môn; tính chất nhiệm vụ công việc; điều kiện làm việc, mức thu nhập, cơ hội phát triển nghề nghiệp.

b) Tổ chức thực hiện

– GV chia lớp thành các nhóm theo bàn và thảo luận về một nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ mà các bạn quan tâm và chia sẻ về những điểm mạnh, điểm yếu của nghề đó.

– GV giao nhiệm vụ như sau:

Nội dung

GV chia lớp theo các nhóm bàn và thảo luận với nhau về những điểm chính về đặc điểm chung của nhóm nghề kĩ thuật, công nghệ và những yêu cầu về năng lực, tính chất công việc, điều kiện làm việc và cơ hội phát triển nghề nghiệp dựa theo một số câu hỏi gợi ý sau:

- Yêu cầu năng lực của nghề là gì?
- Tính chất nhiệm vụ của công việc?
- Điều kiện làm việc của nghề?
- Mức thu nhập của nghề so với mặt bằng chung hiện nay?
- Cơ hội phát triển nghề nghiệp?

– HS thực hiện nhiệm vụ: HS báo cáo kết quả thảo luận theo nhóm với cả lớp.

Dự kiến câu trả lời của HS:

Sản phẩm

Câu trả lời của HS. Ví dụ:

“Hôm nay khi thảo luận về nhóm nghề kỹ thuật, công nghệ, mình nhận ra rằng một trong những điểm chung quan trọng của các nghề trong lĩnh vực này là cần phải có kiến thức chuyên môn sâu và khả năng giải quyết vấn đề một cách sáng tạo. Ví dụ, khi chúng ta nói về một kỹ sư điện, họ cần hiểu rõ về cách hoạt động của các hệ thống điện và có khả năng sử dụng kiến thức đó để giải quyết các vấn đề kỹ thuật phức tạp. Ngoài ra, tính chất nhiệm vụ công việc trong lĩnh vực này cũng rất quan trọng. Điều này đòi hỏi sự tỉ mỉ và chú ý đến chi tiết, bởi vì một lỗi nhỏ có thể gây ra hậu quả lớn trong các hệ thống kỹ thuật.

Về điều kiện làm việc, mình nhận thấy rằng nó thường đa dạng tùy thuộc vào ngành nghề cụ thể. Ví dụ, một kỹ sư phần mềm có thể làm việc trong một môi trường văn phòng thoải mái, trong khi một kỹ sư cơ khí có thể phải làm việc trong các điều kiện công nghiệp khắc nghiệt hơn.

Tuy nhiên, mặc dù có những thách thức, nhóm nghề kỹ thuật, công nghệ cũng mang lại nhiều cơ hội phát triển nghề nghiệp. Với sự sáng tạo và nỗ lực, các chuyên gia trong lĩnh vực này có thể tiến xa và đạt được thành công lớn trong sự nghiệp của bản thân.”

– GV tổ chức báo cáo, thảo luận: GV gọi các nhóm trao đổi chia sẻ kết quả thảo luận nhóm.

– GV nhận xét, kết luận.

2.3. Lập bảng đánh giá mức độ phù hợp nghề nghiệp của bản thân

a) Mục tiêu

Lập được bảng đánh giá mức độ phù hợp nghề nghiệp, đối chiếu sự trùng khớp giữa đặc điểm của bản thân với đặc điểm, yêu cầu nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và kết luận về mức độ phù hợp.

b) Tổ chức thực hiện

– GV yêu cầu HS đọc SGK và hoàn thiện bảng đánh giá mức độ phù hợp nghề nghiệp trong SGK (Bảng đánh giá trang 32 SGK).

– GV giao nhiệm vụ như sau:

Nội dung

Đọc SGK hướng dẫn sử dụng bảng đánh giá mức độ phù hợp nghề để hoàn thiện bảng, để từ đó xếp loại bản thân có phù hợp với nghề hay không?

– HS thực hiện nhiệm vụ: HS đọc SGK và thực hành nhiệm vụ GV đưa ra.

Dự kiến câu trả lời của HS:

Sản phẩm

Dựa vào kết quả của mỗi cá nhân mà mức độ phù hợp của các nghề trong lĩnh vực công nghệ, kĩ thuật

+ 1 – 3: không phù hợp.

+ 4 – 6: phù hợp một phần.

+ 7 – 10: phù hợp hoàn toàn.

2.4. Đánh giá và hỗ trợ thông tin

a) Mục tiêu

Giúp HS hiểu rõ các tiêu chí đánh giá sản phẩm và hỗ trợ HS có thêm thông tin hoàn thiện dự án.

b) Tổ chức thực hiện

– GV đưa ra nhiệm vụ:

Nội dung

Nhiệm vụ 1: Đọc mục VI trang 34 SGK để hiểu rõ các yêu cầu và tiêu chí đánh giá sản phẩm trong bài dự án.

Nhiệm vụ 2: Đọc mục VII trang 34 SGK và bảng giải thích thuật ngữ trang 35 SGK để hỗ trợ hoàn thiện dự án.

– HS thực hiện nhiệm vụ: HS đọc SGK và thực hành nhiệm vụ GV đưa ra để hoàn thiện sản phẩm.

Dự kiến sản phẩm của HS:

Sản phẩm

1. Sản phẩm

– Bài thuyết trình quá trình tự đánh giá các đặc điểm của bản thân về năng lực, sở thích, cá tính, bối cảnh gia đình và kết quả đánh giá mức độ phù hợp với nhóm nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

– Bảng đánh giá mức độ phù hợp nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

2. Tiêu chí đánh giá

– Nội dung: chỉ ra được mức độ phù hợp của bản thân đối với nhóm nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

– Yêu cầu: làm rõ các đặc điểm của bản thân:

+ Về năng lực: chỉ ra được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong thực hiện các công việc khác nhau; nhận ra khả năng tốt nhất khi tiến hành hoạt động thuộc lĩnh vực công việc nào. Năng lực học tập liên quan đến các môn học thuộc khối khoa học tự nhiên, tin học, công nghệ.

+ Về sở thích: làm rõ được sở thích của bản thân với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ như sở thích làm việc với máy móc, dụng cụ; đọc các bản thiết kế; lắp ráp mô hình; tự lắp ráp, sửa chữa đồ dùng,...

+ Về cá tính: nhận ra được mình thuộc nhóm tính cách nào trong sáu nhóm tính cách theo lí thuyết mật mã Holland. Ví dụ như bản thân có phải là người trầm tĩnh, có khả năng thích nghi nhanh chóng với công nghệ, có thể làm việc độc lập hay không.

+ Về bối cảnh gia đình: nhận ra được điều kiện, hoàn cảnh gia đình hiện nay có đủ điều kiện hỗ trợ bản thân lựa chọn, học tập và phát triển nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ hay không.

3. Thông tin bổ trợ

– Để trả lời câu hỏi “Em có hiểu mình không?”, em sử dụng các bộ trắc nghiệm tâm lí, trắc nghiệm hướng nghiệp để biết rõ hơn về tính cách, năng lực nổi trội, đồng thời hỏi thêm người thân, thầy cô giáo để hiểu về sở thích, tính cách, bối cảnh gia đình của mình. Thông qua các trải nghiệm trong học tập, vui chơi, lao động để biết được những khả năng, tố chất, kĩ năng của bản thân.

– Để trả lời cho câu hỏi “Em có hiểu nghề không?”, em có thể tìm hiểu về nghề nghiệp thông qua các thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp, tổ chức, xem các mục tuyển sinh của các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở giáo dục nghề, hỏi thêm người thân có làm nghề mà em dự định,...

– Để trả lời cho câu hỏi “Học nghề và rèn nghề để làm gì?”, em tìm hiểu Danh mục đào tạo nghề Việt Nam hoặc tìm hiểu các thông tin về ngành nghề đào tạo trên trang web tuyển sinh của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, ... trên cả nước.

– GV nhận xét, kết luận: như mục sản phẩm.

3. Hoạt động 3. Luyện tập

a) Mục tiêu

Tổng kết được kiến thức của bài học, hiểu rõ hơn về bài dự án.

b) Tổ chức thực hiện

– GV giao nhiệm vụ:

Nội dung

GV cung cấp một danh sách các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ như kĩ sư phần mềm, kĩ sư cơ khí, nhà thiết kế đồ hoạ, chuyên viên an ninh mạng và nhiều ngành nghề khác.

HS sẽ đánh giá khả năng phù hợp của bản thân với một trong các nghề đó và đưa ra lí do.

– HS thực hiện nhiệm vụ: Dựa vào kết quả của bản thân ở bài dự án trên và đưa ra câu trả lời.

Dự kiến sản phẩm của HS:

Sản phẩm

Ví dụ:

Ngành nghề	Khả năng	Sở thích	Giá trị cá nhân	Mục tiêu nghề nghiệp
Kĩ sư phần mềm	8/10	9/10	7/10	9/10
Kĩ sư cơ khí	6/10	7/10	8/10	7/10
Nhà thiết kế đồ hoạ	7/10	10/10	9/10	8/10
Chuyên viên an ninh mạng	9/10	8/10	8/10	8/10

– GV tổ chức báo cáo, thảo luận: Yêu cầu HS báo cáo kết quả, GV nhận xét kết quả HS và chuẩn kiến thức.

4. Hoạt động 4. Vận dụng (ở nhà)

a) Mục tiêu

Vận dụng được kiến thức đã học vào thực tiễn đời sống.

b) Cách thức tổ chức

– GV giao nhiệm vụ về nhà cho HS như mục Nội dung và yêu cầu HS nghiêm túc thực hiện.

Nội dung

Nhiệm vụ về nhà: Hãy quan sát quanh em có ai làm trong lĩnh vực công nghệ, kĩ thuật và nhận xét khả năng của người đó.

- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

Sản phẩm

Câu trả lời của HS.

- GV tổ chức báo cáo, thảo luận: GV chọn một số HS trả lời vào thời điểm thích hợp ở buổi học sau; nhận xét (và có thể cho điểm đánh giá quá trình).

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: PHẠM VĂN HANH – VŨ THỊ THANH MAI

Thiết kế sách: TRẦN THUỖ DUNG

Trình bày bìa: ĐINH THANH LIÊM

Sửa bản in: PHẠM THỊ TÌNH

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

*Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ,
chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản
của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.*

KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÔNG NGHỆ 9

Mã số:

In cuốn (QĐ), khổ 19 x 26,5cm.

In tại Công ty cổ phần in

Số ĐKXB:/CXBIPH/...../GD

Số QĐXB: / QĐ—GD ngày ... tháng ... năm

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm

Mã số ISBN: 978—604—